

Số: 012/QĐ-TH-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

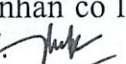
Căn cứ Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sửa đổi, bổ sung lần IV) được ban hành theo Quyết định số 009/QĐ-TH-HĐQT ngày 03/06/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 046/NQ-TH-HĐQT ngày 09 tháng 03 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ và xây dựng các Quy chế quản trị Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm Quyết định này là Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, bao gồm 04 chương 17 điều đã được Hội đồng quản trị thông qua tại kỳ họp lần thứ 8, nhiệm kỳ 2020-2025 ngày 09/03/2022.

Điều 2: Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, các Phòng - Đội Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- HĐQT Tổng Công ty (để báo cáo);
- Lưu (VT, HĐQT).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Trần Thị Ngọc Luyến

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
TANHOA WASUCO JSC



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Năm 2022

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG | 3 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh..... | 3 |
| Điều 2. Đối tượng áp dụng..... | 3 |
| Điều 3. Định nghĩa và chữ viết tắt | 3 |
| Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin | 5 |
| Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán..... | 5 |
| Điều 6. Phương tiện và hình thức báo cáo, công bố thông tin | 6 |
| Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin | 6 |
| CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ | 7 |
| Điều 8. Các trường hợp công bố thông tin..... | 7 |
| Điều 9. Thời hạn và nội dung công bố thông tin | 8 |
| Điều 10. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty | 14 |
| Điều 11. Công bố thông tin của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ | 15 |
| Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai | 16 |
| CHƯƠNG III THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN | 16 |
| Điều 13. Người phụ trách công bố thông tin..... | 16 |
| Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách công bố thông tin của Công ty. | 17 |
| Điều 15. Quy trình công bố thông tin của Công ty | 18 |
| CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | 19 |
| Điều 16. Điều khoản thi hành..... | 19 |
| Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Quy chế..... | 19 |



WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

TÂN HÒA

"NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 012/QĐ-TH-HĐQT ngày 03 tháng 06 năm 2022)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cơ chế công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động, giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa với các cơ quan có thẩm quyền và/hoặc công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật với tư cách là công ty đăng ký giao dịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Toàn thể cán bộ nhân viên, phòng ban, đơn vị của Công ty và Nhà đầu tư có liên quan đến việc công bố thông tin theo Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Định nghĩa và chữ viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. **"Công ty"** là Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa.
2. **"Cổ đông lớn"** là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
3. **"Người nội bộ"** của Công ty là:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Người đại diện theo pháp luật;
 - c. Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - d. Trưởng Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - e. Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
4. **"Người có liên quan"** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán:
 - a. Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - b. Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;

c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với Công ty trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi Công ty hoặc cùng với Công ty chịu chung một sự kiểm soát;

d. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho Công ty hoặc ngược lại;

e. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. “Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin” bao gồm:

a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;

c. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;

d. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

6. “Đối tượng công bố thông tin” là cách gọi chung của Công ty và Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin;

7. “Tổ chức kiểm toán được chấp thuận” là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

8. “Ngày công bố thông tin” là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 96.

9. “Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán” được xác định như sau:

a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

f. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

10. “Thông tư 96” là Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành ngày 16/11/2020.

11. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

12. “Luật Chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

13. “Quyết định số 21/QĐ-SGDVN” là Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 về việc Ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó, gửi công văn kèm theo thông tin đính chính đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

3. Khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đang niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Công ty và Nhà đầu tư là tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của Nhà đầu tư cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

5. Đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

Điều 6. Phương tiện và hình thức báo cáo, công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin, báo cáo được thực hiện trên các phương tiện sau:
 - a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - c. Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán; phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
 - d. Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử, ...).
2. Công ty phải lập trang thông tin điện tử (website) theo quy định sau:
 - a. Công ty phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể ngày khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
 - b. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư 96;
 - c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
4. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.
5. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 2 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.
6. Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, ..., các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Giao dịch Chứng khoán đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho Sở Giao dịch Chứng khoán biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống

công bố thông tin điện tử để Sở Giao dịch Chứng khoán hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).

Trường hợp chưa đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử, Công ty gửi thông tin công bố đồng thời dưới hình thức văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Giao dịch Chứng khoán kèm theo tệp tin dữ liệu điện tử tới địa chỉ thư điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán.

7. Tài liệu công bố thông tin:

a. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy:

- Văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.

- Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;
- Đối với văn bản giấy của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.

b. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử:

Việc gửi thông tin công bố dưới dạng; văn bản, dữ liệu điện tử đến Sở Giao dịch Chứng khoán đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử và các hướng dẫn sau:

- Văn bản, dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode);
- Trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán nơi tiếp nhận thông tin công bố có quy định khác về định dạng thông tin công bố thì thực hiện theo quy định tại Sở Giao dịch Chứng khoán đó.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

**CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

MỤC I. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 8. Các trường hợp công bố thông tin

1. Công bố thông tin định kỳ.
2. Công bố thông tin bất thường.
3. Công bố thông tin theo yêu cầu.

4. Công bố thông tin về hoạt động khác của Công ty

Điều 9. Thời hạn và nội dung công bố thông tin

1. Công bố thông tin định kỳ:

a. Báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- Trường hợp Công ty là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

- Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm: Công ty phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b. Báo cáo thường niên:

- Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định (nếu có) và công bố báo cáo này trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá một trăm mười (110) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

c. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư 96.

d. Báo cáo tình hình quản trị Công ty:

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định (nếu có) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

2. Công bố thông tin bất thường:

a. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

- Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động, Công ty đồng thời thực hiện công bố thông tin đến Sở Giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục III Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN, đính kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi

- Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

- Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

- Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

- Quyết định về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ

sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

Trong trường hợp này, Công ty đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp đến Sở Giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.

- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

- Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

Trong trường hợp này, Công ty đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp đến Sở Giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

- Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- a. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- b. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ;

- c. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

Trong các trường hợp trên, Công ty đồng thời thực hiện thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đến Sở Giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục V Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.

- Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định (nếu có); gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Thông báo thay đổi nhân sự theo mẫu quy định tại Phụ lục I Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.

Đối với việc cung cấp thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo mẫu Phụ lục III Thông tư 96:

- Công ty liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người có liên quan có sở hữu và không sở hữu cổ phiếu) tại Mục 16 mẫu Phụ lục III Thông tư 96.

- Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, Công ty ghi chú tại trường số 17 Mục 16 Phụ lục III Thông tư số 96, Công ty ghi rõ “người liên quan không cung cấp thông tin”.

- Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96, Công ty báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục II Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.

- Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

- Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

- Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

- Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

- Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

- Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

- Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;

- Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty (Điều 296 Nghị định 155);

b. Khi công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

c. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 96;

- Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

d. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Các trường hợp khác, Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

e. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96.

f. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác:

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

3. Công bố thông tin theo yêu cầu:

a. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đăng ký giao dịch:

- Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

b. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

4. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty

a. Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn:

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

- Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán:
 - Công bố thông tin về chào bán chứng khoán riêng lẻ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 7, khoản 4 Điều 48 Nghị định 155.
 - Công bố thông tin về chào bán chứng khoán ra công chúng thực hiện theo quy định tại khoản 5, 7 Điều 41 Nghị định 155.

- Công bố thông tin về chào bán chứng khoán ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 77 Nghị định 155.
- Công bố thông tin khi Công ty có chứng khoán niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 128 Nghị định 155.
- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
 - Công bố thông tin trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu:
- Công ty khi thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Nghị định 155.
- Công ty khi thực hiện phát hành phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định 155.
- Công ty khi thực hiện phát hành phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Nghị định 155.
- Công ty khi thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 3, 6 Điều 69 Nghị định 155.
- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
 - Công bố thông tin về hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật.

b. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

c. Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ:

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

d. Thực hiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng:

Khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng:

- Công ty thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

- Ngoài ra, Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:

- Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, Công ty phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

- + Công ty phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- + Định kỳ 06 tháng, Công ty phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

- Công ty phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định (nếu có) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;

- Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu.

MỤC II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

Điều 10. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo biểu mẫu quy định (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo biểu mẫu quy định (nếu có).

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Quy chế này.

4. Các quy định nêu trên cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định (nếu có) căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng quy định tại Điều này.

6. Các quy định tại khoản này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

Điều 11. Công bố thông tin của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96;

b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán.

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ theo quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng

ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96;

f. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại điểm này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại điểm c thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 9 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

5. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

6. Trong thời 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại điểm này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty và Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 21 Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN và quy định pháp luật về chào mua công khai.

CHƯƠNG III

THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 13. Người phụ trách công bố thông tin

1. Người phụ trách công bố thông tin của Công ty:

a. Người đại diện theo pháp luật trực tiếp thực hiện công bố thông tin hoặc ủy quyền cho một nhân sự khác trong Công ty thực hiện. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

b. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

c. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người phụ trách công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người phụ trách công bố thông tin có hiệu lực.

Nội dung thông tin báo cáo về người phụ trách công bố thông tin thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Người phụ trách công bố thông tin của Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin:

a. Nhà đầu tư tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b. Nhà đầu tư cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

- Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96 và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

- Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

- Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 96, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96 (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân).

c. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96 và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

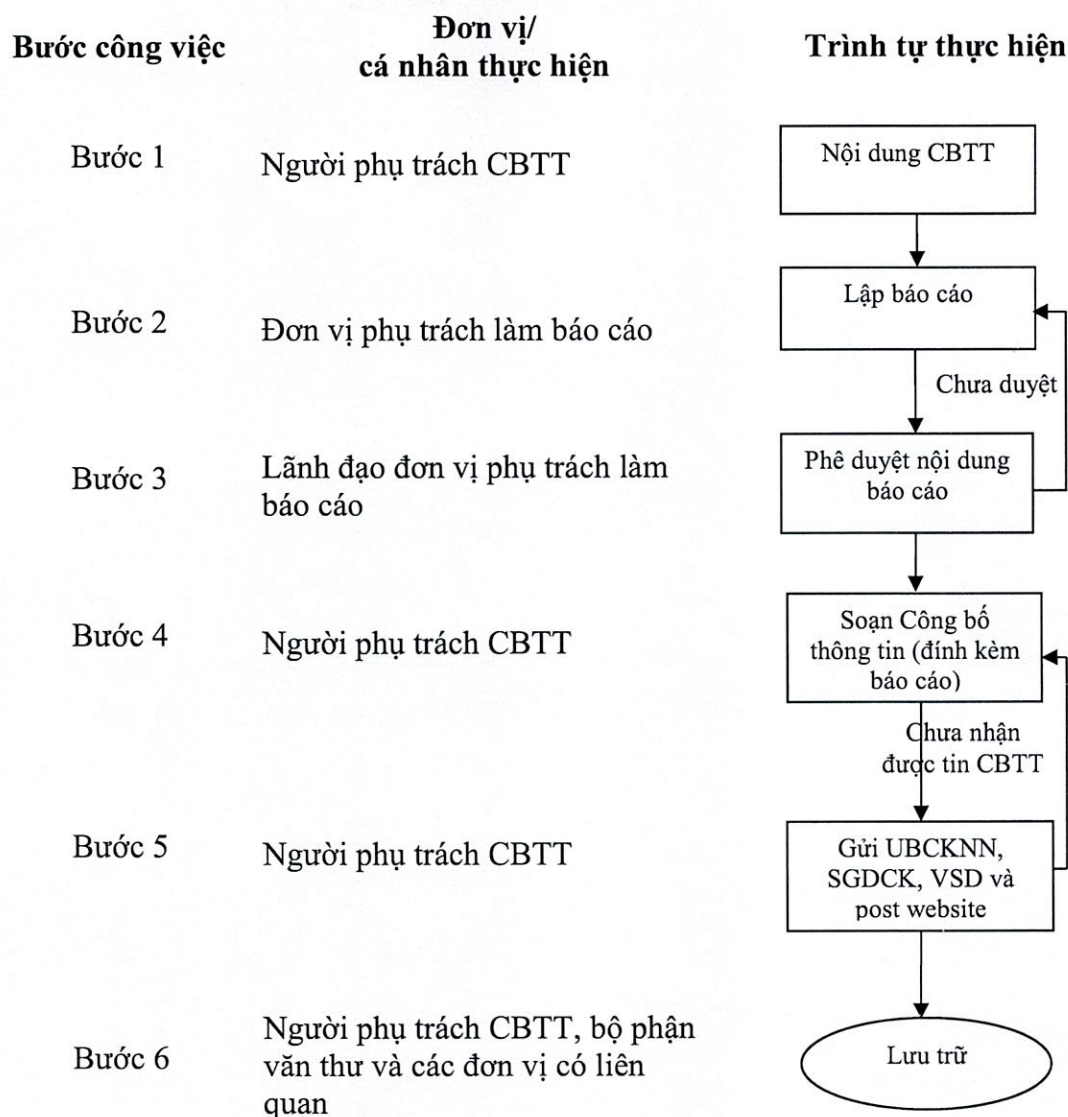
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách công bố thông tin của Công ty

1. Người phụ trách công bố thông tin chịu trách nhiệm tổng hợp, xử lý, công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời đối với tất cả các nội dung công bố thông tin theo Quy chế này.

2. Người phụ trách công bố thông tin công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

Điều 15. Quy trình công bố thông tin của Công ty

1. Lưu đồ:



2. Diễn giải lưu đồ:

a. Bước 1:

– Đối với nội dung công bố thông tin định kỳ: Đến thời hạn công bố thông tin định kỳ, người phụ trách công bố thông tin yêu cầu đơn vị phụ trách làm báo cáo thực hiện và gửi báo cáo.

Trưởng đơn vị phụ trách làm báo cáo chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người phụ trách công bố thông tin.

– Đối với nội dung công bố thông tin bất thường: Khi phát sinh nội dung cần công bố thông tin bất thường theo quy định, đơn vị phụ trách có liên quan liên hệ kịp thời với Người phụ trách công bố thông tin để biết rõ nội dung đó có cần công bố thông tin hay không và nhận hướng dẫn về các thời hạn công bố thông tin.

b. Bước 2: Cá nhân phụ trách làm báo cáo lập và trình lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

- c. Bước 3: Lãnh đạo đơn vị kiểm tra nội dung và phê duyệt báo cáo.
- d. Bước 4: Báo cáo sau khi phê duyệt sẽ được gửi đến Người phụ trách công bố thông tin. Người phụ trách công bố thông tin soạn bản công bố thông tin và đính kèm báo cáo đã được duyệt.
- e. Bước 5: Người phụ trách công bố thông tin gửi bản công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng tải trên website của Công ty.
- f. Bước 6: Người phụ trách công bố thông tin, bộ phận văn thư và các đơn vị có liên quan lưu trữ hồ sơ công bố thông tin.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.
2. Các cán bộ thuộc bộ máy điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa và các đơn vị có liên quan đến hoạt động công bố thông tin có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.
3. Giao Người phụ trách CBTT là đầu mối hướng dẫn và quản lý các trường hợp phát sinh khác liên quan đến công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông.
4. Mọi hành vi vi phạm các quy định trong Quy chế này đều bị xử lý kỷ luật tương ứng với mức độ và tính chất vi phạm.
5. Ngoài các quy định tại Quy chế này, việc công bố thông tin đồng thời tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Quy chế này được thông qua và chỉ được sửa đổi, bổ sung bởi Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động công bố thông tin chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc quy định hiện hành thay đổi hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản, biểu mẫu trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thị Ngọc Luyến



PHỤ LỤC 1: BẢNG TÓM TẮT CÁC THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|---|---|-----------------|--|---------------------------|--|--|
| A. | CBTT định kỳ | | | | | | |
| 1. | Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng KTTC | - Phòng TCHC; - Phòng KTCN (website Công ty). | |
| 2. | Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét | Công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng KTTC | - Phòng TCHC; - Phòng KTCN (website Công ty). | Công ty đại chúng UPCOM không có nghĩa vụ CBTT mục này |
| 3. | Báo cáo tài chính quý | Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp BCTC quý được soát xét (nếu có) thì CBTT trong thời hạn 05 ngày | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng KTTC | - Phòng TCHC; - Phòng KTCN (website Công ty). | Công ty đại chúng UPCOM không có nghĩa vụ CBTT mục này |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|--|--|---|--|---------------------------|---|--|
| | | kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. | | | | | |
| | <p>Khi CBTT các báo cáo tài chính , THW phải đồng thời giải trình các nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <p>b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</p> <p>c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p> | Công bố đồng thời khi công bố báo cáo tài chính. | Dữ liệu điện tử | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng KTTC | <ul style="list-style-type: none"> - Phòng TCHC; - Phòng KTCN (website Công ty). | Công ty đại chúng UPCOM không có nghĩa vụ CBTT mục này |
| 4. | Báo cáo thường niên | Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Dữ liệu điện tử Mẫu theo Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC | <ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | <ul style="list-style-type: none"> - Các Phòng-Đội liên quan; - Phòng KTCN (website Công ty). | - |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|--|--|--|--|---------------------------|---|---------|
| 5. | Họp ĐHĐCĐ thường niên: | | | | | | |
| | a. Công bố họp và tài liệu họp. | Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Các Phòng – Đội liên quan; - Phòng KTCN (website Công ty). | |
| | b. Công bố biên bản họp, nghị quyết và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết. | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Các Phòng – Đội liên quan; - Phòng KTCN (website Công ty). | - |
| 6. | CBTT về báo cáo tình hình quản trị công ty | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch. | Dữ liệu điện tử Mẫu theo Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC (01 báo cáo đầy đủ và 01 báo cáo không gồm thông tin cá nhân). | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Cá nhân có liên quan; - Phòng KTCN (website Công ty). | - |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|-----------|--|---|-----------------|--|---------------------------|--|--|
| B. | CBTT bất thường | | | | | | |
| I. | CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ (nêu rõ sự kiện, nguyên nhân và giải pháp khắc phục nếu có), kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau: | | | | | | |
| 1. | Tài khoản tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng KTTC | - Phòng TCHC; - Phòng KTCN (website Công ty). | - |
| 2. | Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi THW có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | Phòng KTCN (website Công ty) | Trường hợp thay đổi nội dung GCN ĐKDN, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động: Đồng thời thực hiện CBTT đến HNX theo biểu mẫu quy định, kèm bản |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|---|---|-----------------|--|---------------------------|---|---|
| | | | | | | | sao hợp lệ GCN ĐKDN/ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi. |
| 3. | Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn. | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Các Phòng – Đội liên quan; - Phòng KTCN (website Công ty). | - |
| 4. | Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | Phòng KTCN (website Công ty) | |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|--|---|-----------------|--|---------------------------|--|--|
| 5. | Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | Phòng KTCN (website Công ty) | |
| 6. | Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | Phòng KTCN (website Công ty) | Đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính đến HNX theo biểu mẫu quy định. |
| 7. | Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký. | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng KTTC | - Phòng TCHC; - Phòng KTCN (website Công ty). | - |
| 8. | Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX | Phòng KTTC | - Phòng TCHC; | Đồng thời thực hiện |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|---|---|-----------------|--|---------------------------|--|--|
| | dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết. | kiện. | | - Website Công ty | | - Phòng KTCN (website Công ty). | đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính đến HNX theo biểu mẫu quy định. |
| 9. | Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty. | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng KTTC | - Phòng TCHC; - Phòng KTCN (website Công ty). | - |
| 10. | Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết, như sau: - Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu; - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ; | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện: - Tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán. - Tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTTC; - Phòng KTCN (website Công ty). | Đồng thời thực hiện thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đến HNX theo biểu mẫu quy định. |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|---|--|--|--|---------------------------|--|--|
| | | quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. | | | | | |
| | - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; | - Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin. | | | | | |
| 11. | Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới. | Dữ liệu điện tử Mẫu theo Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Cá nhân có liên quan; - Phòng KTCN (website Công ty). | Đồng thời thực hiện thông báo thay đổi nhân sự đến HNX theo biểu mẫu quy định. |
| 12. | Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX | Phòng KTTC | - Phòng TCHC; | - |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|---|---|-----------------|--|---------------------------|--|---------|
| | cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. | kiện. | | - Website Công ty | | - Phòng KTCN (website Công ty). | |
| 13. | Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty. | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Cá nhân có liên quan; - Phòng KTCN (website Công ty). | - |
| 14. | Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế. | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng KTTC | - Phòng TCHC; - Phòng KTCN (website Công ty). | - |
| 15. | Khi nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp. | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTTC - Phòng KTCN (website Công ty). | - |
| 16. | Trường hợp nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX | Phòng KTTC | - Phòng TCHC | - |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|------------|--|---|-----------------|--|---------------------------|---|--|
| | xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó. | kiện. | | - Website Công ty | | - Phòng KTCN (website Công ty). | |
| 17. | Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty. | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Các Phòng – Đội liên quan; - Phòng KTCN (website Công ty). | - |
| 18. | Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ. | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTTC - Phòng KTCN (website Công ty). | Công ty đại chúng UPCOM không có nghĩa vụ CBTT mục này |
| II. | CBTT về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | | | | | | |
| 1. | CBTT về họp ĐHĐCĐ bất thường | Thực hiện như CBTT đối với ĐHĐCĐ thường niên. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTCN (website Công ty) - Các Phòng-Đội liên quan | - |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|--|--|--|-----------------|--|---------------------------|--|---------|
| 2. | Lấy kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản | Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTCN (website Công ty) | - |
| III. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu | | | | | | | |
| 1. | CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu. | Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại B.III.2 của Phụ lục này. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTCN (website Công ty) | - |
| 2. | CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ. | Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTCN (website Công ty) | - |
| IV. | Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính. | Trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng KTTC | - Phòng TCHC - Phòng KTCN (website Công ty) | - |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|-----------|--|---|-----------------|--|---------------------------|--|---------|
| V. | CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác | | | | | | |
| 1. | Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng KTTC | - Phòng TCHC - Phòng KTCN (website Công ty) | - |
| C. | CBTT theo yêu cầu (nêu rõ sự kiện được yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)) | | | | | | |
| 1. | Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư | Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HNX. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTCN (website Công ty) | - |
| 2. | Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó | Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HNX. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTCN (website Công ty) | - |
| D. | CBTT về hoạt động khác | | | | | | |
| 1. | Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn. | Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTCN (website Công ty) | - |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|---|---|-----------------|---|---------------------------|--------------------------------|---------|
| 2. | CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài | Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - VSD - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTCN (website Công ty) | - |
| 3. | CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ | Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu. | Dữ liệu điện tử | - UBCKNN - HNX - Website Công ty | Phòng TCHC | - Phòng KTCN (website Công ty) | - |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|--|---|--|----------------------------|---|--|---------|
| E. | CBTT của cổ đông lớn | | | | | | |
| | CBTT của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu): | 1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn. | Dữ liệu điện tử Mẫu theo Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC. | - UBCKNN - HNX - THW | Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. | - Phòng TCHC - Phòng KTCN (website Công ty) | - |
| | | 2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi. | Dữ liệu điện tử Mẫu theo Phụ lục VIII Thông tư 96/2020/TT-BTC. | | | | |
| | | 3. Quy định tại mục 1 và 2 nêu trên cũng áp dụng đối với nhóm người liên quan, nhóm | Dữ liệu điện tử Nhóm người có liên quan: Mẫu tương tự quy | | | | |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|-----------|---|---|--|----------------------------|--|--|---------|
| | | nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. | định tại mục 1 và 2 nêu trên. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan: Mẫu theo Phụ lục IX, X Thông tư 96/2020/TT-BTC | | | | |
| | | 4. THW phải CBTT trên website Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng quy định tại mục 1, 2, 3 nêu trên. | | | | | |
| F. | CBTT của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ | | | | | | |
| | Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, HNX và THW khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch | Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch trước ngày dự kiến thực hiện giao | Dữ liệu điện tử Mẫu theo Phụ lục XIII, XIV Thông tư 96/2020/TT- | - UBCKNN - HNX - THW | - Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người | - Phòng TCHC - Phòng KTCN (website Công ty) | - |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|---|---|-----------|----------|---|----------|---------|
| | dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại HNX (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác) | <p>dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.</p> <p>Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do HNX đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ HNX (quy định này không áp dụng đối với giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai; trong trường hợp này, đối tượng phải công bố thông tin thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào</p> | BTC. | | <p>nội bộ.</p> <p>- Công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty.</p> | | |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|---------|-----------------|--|---|----------|---------------------------|----------|---------|
| | | <p>mua công khai).</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)</p> <p>THW phải CBTT trên website Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.</p> | Mẫu theo Phụ lục XV và XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC. | | | | |

| ST T | Trường hợp CBTT | Thời hạn CBTT | Hình thức | Nơi nhận | Chịu trách nhiệm chính | Phối hợp | Ghi chú |
|-----------|--|--|---|----------------------------|---|--|---------|
| G. | Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai | | | | | | |
| | Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty. | Theo quy định tại Điều 21 Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN và quy định pháp luật về chào mua công khai. | Dữ liệu điện tử hoặc/và biểu mẫu theo quy định pháp luật về chào mua công khai. | - UBCKNN - HNX - THW | Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, THW. | - Phòng TCHC - Phòng KTCN (website Công ty) | - |
| H. | Thực hiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng (đối với phát hành trái phiếu riêng lẻ thực hiện theo quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ) | | | | | | |
| | Chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng. | Theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng và quy định tại khoản 2 Điều 19 TT 96/2020/TT-BTC. | Dữ liệu điện tử hoặc/và biểu mẫu theo quy định pháp luật về chào mua công khai. | - UBCKNN - HNX - THW | THW. | - Phòng TCHC - Phòng KTCN (website Công ty) | - |



PHỤ LỤC 2: CÁC BIỂU MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Các biểu mẫu công bố thông tin thực hiện theo mẫu quy định tại các văn bản:
 - Quyết định 02/QĐ-VSD ngày 02/01/2020 của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
 - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính;
 - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
 - Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến các biểu mẫu CBTT của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với Biểu mẫu trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh Biểu mẫu của Công ty.